

Nội dung bài viết

1. [Unit 9: Pronunciation \(trang 27\)](#)
2. [Unit 9: Vocabulary & Grammar \(trang 28\)](#)
3. [Unit 9: Reading \(trang 30\)](#)
4. [Unit 9: Speaking \(trang 32\)](#)
5. [Unit 9: Writing \(trang 33\)](#)

Unit 9: Pronunciation (trang 27)

1. (trang 27 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Read aloud the following sentences. Pay attention to the unstressed words in bold. (Đọc to những câu sau đây. Hãy chú ý đến những từ không nhấn mạnh được in đậm)

1. **Both** of us have planned **to** go straight **to** university.
2. **I'm** thinking **of** applying **for** a temporary job **in** the summer.
3. Nam **and I** have decided **to** study law **in** the United Kingdom.
4. **We're** looking forward **to** the results **of** the IELTS exams **from** The Language Centre at the British Council.
5. Mai **has** secured **a** place **at** a prestigious university **in** the United **of** America **and** she's flying there **in** September.

2. (trang 27 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Underline the unstressed words in the following sentences, then practise reading them aloud. (Gạch dưới những từ không nhấn mạnh ở các câu sau đây, sau đó thực hành đọc to chúng lên)

1. There are a range of careers that students can choose depending on their wishes and circumstances.
2. Students should learn about the world of work and understand what employers will look for in their employees.
3. The best way to start on the pathway to achieving your goals is by building your skills.
4. Students should access the range of training and skills development available to them.

5. Staying motivated will help students to focus on the task at hand.

Unit 9: Vocabulary & Grammar (trang 28)

1. (trang 28 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Do the following crossword puzzle. (Giải câu đố ô chữ)

1. apprentice 2. option 3. workforce 4. career

5. advice 6. temporary 7. secure

2. (trang 28 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Complete the following sentences with the correct form of the words from the crossword puzzle in 1. (Hoàn thành các câu sau đây bằng các hình thức đúng của từ trong câu đố ô chữ ở bài 1)

1. options 2. temporary 3. secure 4. advice

5. workforce 6. career 7. apprentice

Hướng dẫn dịch:

1. Ngày nay có rất nhiều lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh rời trường học để lựa chọn giữa chúng.

2. Tom đang tìm kiếm một công việc tạm thời để làm trong kỳ nghỉ hè.

3. Đôi khi nó khó khăn cho sinh viên để đảm bảo kinh nghiệm làm việc tại công ty mà họ lựa chọn.

4. Học sinh trung học có thể truy cập Internet để tìm kiếm lời khuyên thiết thực về việc rời trường và lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

5. Một số người bạn của tôi không muốn theo đuổi học tập tiếp tục sau khi ra trường. Họ muốn được tham gia vào lực lượng lao động.

6. bạn sẽ chọn loại nghề nghiệp nào? Tôi muốn trở thành một giáo viên.

7. John đã làm việc hai năm như người học việc của một thợ sửa ống nước.

3. (trang 29 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Complete these sentences using the correct form of the phrasal verbs in the box.
(Hoàn thành các câu bằng cách sử dụng hình thức đúng của mệnh đề động từ trong hộp)

1. cut down on 2. ran out of 3. keep up with 4. dropped out of
5. looking forward to 6. go on with 7. get on with 8. put up with
9. face up to 10. thinks back to

Hướng dẫn dịch:

1. Giáo viên bảo cô cắt giảm giao lưu xã hội, bởi nó ảnh hưởng đến việc học của cô.
2. John đột nhiên ngừng nói chuyện. Anh ta chỉ là đã hết ý tưởng.
3. Chúng tôi không thể bắt kịp những thay đổi.
4. Chúng tôi ngạc nhiên rằng Tom vừa mới bỏ học.
5. Tôi thực sự rất mong được gặp lại cậu.
6. Mary sẽ nghỉ một năm, nhưng cuối cùng cậu ấy quyết định tiếp tục việc học.
7. Jack cãi vã với bạn cùng lớp của mình mọi lúc. Tôi không bao giờ nghĩ rằng anh ta sẽ hoà thuận với họ.
8. Linda sẽ không chịu đựng việc hút thuốc của chồng cô ấy nữa.
9. Kate phải đối mặt với thực tế rằng cô ấy sẽ không bao giờ gặp lại anh nữa.
10. Mẹ tôi thường nghĩ lại thời thơ ấu của bà khi bà sống với ông bà tôi.

4. (trang 29 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Make a complex sentence from each pair of sentences. Use the words provided and make any necessary changes. (Tạo một câu phức từ mỗi cặp câu. Sử dụng những từ được cung cấp và thực hiện bất kỳ thay đổi cần thiết)

1. David is as clever as his brother.
2. If Jack dresses smartly for the interview, he will get the job.
3. The question was so hard that he couldn't answer it.

4. It was such a good film that Mary couldn't turn off the TV.
5. Unless you work harder, you may fail the exam.
6. Tom runs faster than John.
7. If I knew Spanish, I could understand the visitors from Spain.
8. The students stopped their work as the skilled craftsman had requested.

Hướng dẫn dịch:

1. David thông minh như anh của cậu ấy.
2. Nếu Jack ăn mặc một cách thông minh đến cuộc phỏng vấn, anh ấy sẽ có được công việc.
3. Câu hỏi khó đến nỗi cậu ấy không thể trả lời nó.
4. Bộ phim hay đến mức Mary không thể tắt TV.
5. Trừ khi cậu học chăm hơn, cậu sẽ trượt kì thi.
6. Tom chạy nhanh hơn John.
7. Nếu tôi biết tiếng Tây Ban Nha, Tôi có thể hiểu được du khách đến từ Tây Ban Nha.
8. Các học sinh dừng công việc của họ vì các nghệ nhân có tay nghề cao đã yêu cầu.

Unit 9: Reading (trang 30)**1. (trang 30 SBT Tiếng Anh 12 mới)**

Read the text about tips for students to secure work experience. Choose the appropriate heading (a-j) for each paragraph. (Đọc văn bản về lời khuyên dành cho sinh viên để đảm bảo kinh nghiệm làm việc. Chọn tiêu đề phù hợp (a-j) cho mỗi đoạn)

Hướng dẫn dịch:

1. Học sinh nên tiếp cận những gì họ muốn đạt được. Họ cũng nên suy nghĩ về đam mê, sở thích và điểm mạnh của bản thân và họ có thể làm gì khi là một phần của lực

lượng lao động. Ví dụ, nếu những học sinh có đam mê về âm nhạc, họ có thể biến tài năng đó trở thành làm việc trong một cửa hàng nhạc.

2. Học sinh có thể tạo ra một danh sách những công việc khác nhau mà họ hứng thú, và tạo một danh sách tất cả những công ty trong địa phương của họ mà họ muốn làm.

3. Học sinh có thể nói chuyện với giáo viên, gia đình và bạn bè để xem họ có biết ai đó làm trong một trong số những tổ chức mà họ hướng đến, bởi vì những người này có thể sẽ trợ giúp cho họ. Nếu học sinh không có một liên hệ nào, họ có thể nghiên cứu trên mạng để tìm liên lạc với công ty mà họ chọn.

4. Nhà tuyển dụng sẽ hỏi học sinh về CV, nên học sinh nên nói chuyện với giáo viên, gia đình hoặc bạn bè để có những mẹo viết CV. Họ có thể liên hệ với nhà tư vấn tuyển dụng để xin lời khuyên. Một CV nên bao gồm cả thông tin liên lạc của học sinh và những thành tích đạt được ở trường.

5. Trường học hoặc trường đại học sẽ liên hệ với các tổ chức thay mặt học sinh. Tuy nhiên nếu trường của họ không có dịch vụ này, học sinh nên cân nhắc việc gọi điện đến những công ty trong danh sách và đề nghị được nói chuyện về cơ hội kinh nghiệm việc làm. Học sinh có thể tự đến công ty và hỏi thông tin liên hệ từ quầy lễ tân. Họ nên mang theo bản sao CV, vì công ty có thể đề nghị họ để lại một bản.

6. Nếu học sinh được mời đến công ty để phỏng vấn, họ sẽ luôn được khuyên ăn mặc một cách thông minh để gây ấn tượng.

7. Học sinh nên hỏi những câu hỏi về nơi làm việc mới của họ. Họ nên biết làm thế nào để đến đó, mấy giờ nên đến, ai để hỏi và có thứ gì cần mang đến không.

8. Học sinh nên thể hiện thân thiện, cởi mở, linh hoạt và chăm chỉ để gây ấn tượng với công ty mà họ làm việc. Họ có thể được đề nghị làm một số việc không mấy thú vị nhưng họ nên cố gắng hết sức với mọi thứ được giao cho.

9. Học sinh nên xin ý kiến đóng góp viết tay để có thứ cho nhà tuyển dụng khác trong tương lai. Trường của họ nên cung cấp một mẫu đơn đóng góp ý kiến. Nếu không có, học sinh nên xin ý kiến đóng góp về khả năng của mình. Nó bao gồm quản lý thời gian, giao tiếp theo hướng dẫn, dịch vụ khách hàng và làm việc với người khác.

10. Một khi học sinh hoàn thành trải nghiệm làm việc, họ nên gửi cho công ty một lá thư cảm ơn. Công ty đã dành thời gian và tiền bạc để có những học sinh làm việc, nên học sinh nên chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm mình có được trong thời gian làm ở công ty. Bằng cách đó, nếu có một cơ hội việc làm trong tương lai, công ty có thể sẽ gọi họ.

1 – j 2 – e 3 – i 4 – d

5 – h 6 – c 7 – g 8 – b

9 – f 10 – a

2. (trang 31 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Find the words or expressions in the text which are closest in meaning to the following. Write them in the correct space. (Tìm các từ hoặc biểu hiện trong văn bản mà gần nhất trong ý nghĩa như sau. Viết chúng trong chỗ trống chính xác)

1. tip
2. to turn (something) into (something)
3. target
4. recruitment agency
5. feedback
6. competency

3. (trang 31 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Read the text again and answer the questions. (Đọc lại bài và trả lời các câu hỏi)

Gợi ý

1. They can apply their passions, interests, and strengths as part of the workforce when they leave school.
2. They may research online for contacts with the company of their choice.
3. It should include students' contact details and their achievements at school.
4. They should take copies of their CV with them because they may be asked to leave one behind.
5. They should always be friendly, open, flexible and hard-working. They may be asked to do some tasks that are not as interesting as others, but they should try their best with everything that is given to them.

6. They are time management, communication, following instructions, customer service, and working with other people.

7. When having completed their work experience students should send the company a thank you letter to share their feedback and the experience they have obtained during their time with the company. This is very important for students because it may help them to get a job opportunity from the company in the future.

Unit 9: Speaking (trang 32)

1. (trang 32 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Match each career with the appropriate explanation for choosing that career. (Nối mỗi ngành nghề với lời giải thích thích hợp cho việc lựa chọn nghề nghiệp.)

1 – d 2 – a 3 – b

4 – e 5 – c

2. (trang 32 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Work in pairs. Make a conversation about your ambitions, dreams, and possible future jobs or careers. Use the information in or your own ideas and the expressions. (Làm việc theo cặp. Tạo một cuộc trò chuyện về hoài bão của mình, ước mơ, và những công việc tốt trong tương lai hoặc nghề nghiệp. Sử dụng thông tin hoặc ý tưởng của riêng bạn và các biểu hiện)

Gợi ý

A: What kind of career would you like to pursue?

B: I want to become a flight attendant in the future because I love travelling and experience different cultures all over the world.

A: It sounds great, but it's not my cup of tea.

B: So what do you want to do?

A: I'd like to study medicine and become a doctor. I love taking care of people and save people's lives. I've been always dreamt of inventing a medicine that can cure cancer to save thousands of lives.

B: Wow, it's such a big dream. I hope you can make it come true.

Unit 9: Writing (trang 33)**1. (trang 33 SBT Tiếng Anh 12 mới)**

Read the job application letter and answer the question that follows. (Đọc lá thư xin việc và trả lời các câu hỏi sau)

1. b 2. a

3. d 4. c

2. (trang 32 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Read the job advert and think about the qualities, skills, and experience you may need for the job. (Đọc quảng cáo công việc và suy nghĩ về những phẩm chất, kỹ năng và kinh nghiệm bạn có thể cần cho công việc)

Hướng dẫn dịch:

Tuyển hướng dẫn viên du lịch

Cho Công ty tư vấn du lịch Hoàn Kiếm

Chúng tôi cần những người trẻ tràn đầy năng lượng làm việc như những hướng dẫn viên du lịch địa phương cho công ty du lịch chúng tôi ở Hà Nội từ ngày 15 tháng 8 đến ngày 30 tháng 9. Trách nhiệm bao gồm trả lời điện thoại và đi cùng khách du lịch nước ngoài trong các chuyến đi xung quanh thủ đô.

Tiếng Anh trôi chảy là bắt buộc. Xin hãy liên hệ:

Quản lý, Công ty tư vấn du lịch Hoàn Kiếm,

450 đường Nguyễn Du, Hà Nội.

3. (trang 32 SBT Tiếng Anh 12 mới)

Write a letter of 150-180 words applying for the job advertised in 2. You can use the tips provided below to help you. (Viết một lá thư từ 150-180 nột đơn xin cho công việc được quảng cáo trong bài 2. Bạn có thể sử dụng những lời khuyên dưới đây để giúp bạn.)

Gợi ý

The Manager 327 QuangTrung St Ha Noi

Hoan Kiem Travel Agency

450 Nguyen Du St

Ha Noi

Dear Sir/ Madam,

I am writing in response to your recruitment advert for the position of a part-time tour guide.

Last year, I had work experience as a tour guide for four weeks for a local travel company in the city. My responsibilities included guiding foreign visitors to tourist places in the city, answering the phone, and serving the visitors when required.

I consider myself to be reliable and energetic individual. I am fluent in speaking English. If necessary, I can provide a reference from the local travel company.

I would be grateful for an opportunity to visit your travel agency and discuss my application with you in person. I can come for an interview on any afternoon during the week. If my application is successful, I will be available to start work from the 15th of August. Please find my CV attached to this letter.

I look forward to hearing from you soon.

Yours faithfully,

Phan Ha Phuong